

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đà Lạt, tháng 12 - 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Bá Linh	Ủy viên	
Ông Tạ Hoàng Giang	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 16/3/2017
Ông Trần Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 16/3/2017

Ban Giám đốc

Ông Tạ Hoàng Giang	Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 21/01/2017
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Quyền Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 21/01/2017
Ông Vũ Văn Minh	Phó Giám đốc	
Ông Trần Bình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 21/01/2017

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Vĩnh Bảo

Quyền Giám đốc

Đà Lạt, ngày 25 tháng 12 năm 2017

Số: 131/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 12 năm 2017, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2010, khách sạn Đà Lạt Plaza đã hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty đã ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định với giá tạm tính là 41.723.870.490 đồng, trong đó giá trị hạng mục công trình giao nhà thầu thi công - Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh là 15.424.685.809 đồng (tương ứng với số tiền đã tạm ứng cho nhà thầu) nhưng chưa được nhà thầu quyết toán và xuất hóa đơn. Hiện tại, nhà thầu thi công đã ngừng hoạt động. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận về các khoản công nợ với nhà thầu này nên không đưa ra nhận xét về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-4) 3577 0781

Fax: (84-4) 3577 0787

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng

Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (84-61) 382 8560

Fax: (84-61) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel: (84-31) 353 4655

Fax: (84-31) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại phiên phúc thẩm, Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định hủy bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 12/01/2017 của Tòa án Nhân dân thành phố Đà Lạt, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết lại theo quy định. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, vụ án chưa xét xử lại. Chưa có bút toán điều chỉnh nào liên quan đến vụ việc này. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2017

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán 2369-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.886.197.890	53.691.322.671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.801.758.287	1.963.553.970
1. Tiền	111	5	1.801.758.287	1.963.553.970
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	43.111.300.812	44.356.622.222
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		43.111.300.812	44.356.622.222
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.362.399.185	6.338.725.957
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.387.480.208	2.716.520.428
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.317.266.083	1.482.006.580
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.652.732.504	2.140.198.949
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.920.390	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	617.837.045	585.728.664
1. Hàng tồn kho	141		617.837.045	585.728.664
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		992.902.561	446.691.858
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	255.396.072	440.733.565
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	737.506.489	5.958.293
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.051.836.290	82.678.279.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	-	500.000.000
II. Tài sản cố định	220		47.580.302.288	52.553.477.481
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	42.274.994.993	47.232.767.682
- Nguyên giá	222		88.596.283.595	89.492.267.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.321.288.602)	(42.259.499.694)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	5.305.307.295	5.320.709.799
- Nguyên giá	228		5.404.140.000	5.404.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(98.832.705)	(83.430.201)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		33.572.182.498	27.293.535.190
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	33.572.182.498	27.293.535.190
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.899.351.504	2.331.266.608
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.172.129.618	1.733.827.230
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		727.221.886	597.439.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		136.938.034.180	136.369.601.950

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		13.541.793.292	23.425.950.911
I. Nợ ngắn hạn	310		10.017.543.292	18.770.290.319
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.845.848.458	1.413.293.048
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		212.809.950	44.463.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	717.867.229	6.580.792.873
4. Phải trả người lao động	314		173.019.979	3.945.605.343
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		666.891.714	1.216.364.970
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	11.931.819
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.140.578.818	3.469.488.466
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.193.710	6.193.710
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.254.333.434	2.082.156.848
II. Nợ dài hạn	330		3.524.250.000	4.655.660.592
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	3.524.250.000	4.655.660.592
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.396.240.888	112.943.651.039
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	123.396.240.888	112.943.651.039
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.132.500.000	59.132.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.132.500.000	59.132.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.785.000.000	4.785.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.138.128.683	31.564.003.371
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.340.612.205	17.462.147.668
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	5.585.376.558
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.340.612.205	11.876.771.110
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		136.938.034.180	136.369.601.950



Nguyễn Vĩnh Bảo
Quyền Giám đốc
Đà Lạt, ngày 25 tháng 12 năm 2017


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Quyền Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thắm
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	65.991.885.638	66.122.222.850
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	77.601.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	65.991.885.638	66.044.621.450
4. Giá vốn hàng bán	11	21	48.738.577.122	44.437.405.531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		17.253.308.516	21.607.215.919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.022.555.796	2.129.794.421
7. Chi phí tài chính	22		-	41.055.642
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	4.825.832.706	5.325.520.449
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		15.450.031.606	18.370.434.249
10. Thu nhập khác	31	25	324.599.395	309.767.646
11. Chi phí khác	32	25	1.758.136.134	393.573.989
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	25	(1.433.536.739)	(83.806.343)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.016.494.867	18.286.627.906
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.026.500.940	4.187.711.987
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(129.782.508)	(40.097.308)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51-52)	60		11.119.776.435	14.139.013.227
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.768	2.248



Nguyễn Vĩnh Bảo
Quyền Giám đốc
Đà Lạt, ngày 25 tháng 12 năm 2017


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Quyền Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thắm
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.016.494.867		18.286.627.906	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.707.617.448		4.816.884.528	
- Các khoản dự phòng	03	-		(758.952.036)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.562.512.319)		(2.004.932.436)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.161.599.996		20.339.627.962	
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	697.632.002		609.306.082	
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(32.108.381)		7.766.172	
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.537.469.376)		(1.143.971.615)	
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	747.035.105		1.492.519.655	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.960.000.000)		(3.866.969.448)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	720.000		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(495.730.000)		(66.729.266)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.581.679.346		17.371.549.542	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(10.866.020.804)		(1.321.188.512)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	2.910.135.541		80.919.115	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.884.678.590)		(44.266.622.222)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.130.000.000		-	
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-		26.585.236.100	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.967.088.824		1.153.338.217	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.743.475.029)		(17.768.317.302)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30)	50	(161.795.683)		(396.767.760)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.963.553.970		2.360.321.730	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	1.801.758.287		1.963.553.970	



Nguyễn Vĩnh Bảo
Quyền Giám đốc
Đà Lạt, ngày 25 tháng 12 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thắm
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Đà Lạt theo Quyết định số 4232/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của UBND tỉnh Lâm Đồng và được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4203000055, ngày 20/7/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 27/3/2017 số 5800194459.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 là 59.132.500.000 đồng. Các cổ đông của Công ty bao gồm:

Tên cổ đông	Vốn góp đến 30/9/2017		Vốn góp đến 01/10/2016	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	16.666.000.000	28,18%	11.759.790.000	19,89%
Nguyễn Thanh Tâm	9.646.680.000	16,31%	9.646.680.000	16,31%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	9.303.870.000	15,73%	9.303.870.000	15,73%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	6.086.850.000	10,29%	6.086.850.000	10,29%
Các cổ đông khác	17.429.100.000	29,47%	22.335.310.000	37,77%
Cộng	59.132.500.000	100%	59.132.500.000	100%

Tổng số nhân viên tại ngày 30/9/2017 là 156 người (tại ngày 01/10/2016 là 160 người).

Trụ sở chính của Công ty: Số 16, đường Trần Phú, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng) - Trung tâm Lữ hành Đà Lạt TSC.

Địa chỉ: Lầu 1, tòa nhà PVC, số 43 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Các địa điểm kinh doanh

Tên	Địa chỉ
1. Dalat Plaza hotel	Số 19 Lê Đại Hành, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
2. Thương xá La Tulipe	Số 1 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
3. Khách sạn Thanh Bình	Số 37 - 40 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
4. Số 2 Trần Hưng Đạo	Số 2 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
5. Khu du lịch thác Cam Ly	Số 90 Hoàng Văn Thụ, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
6. Khách sạn Thanh Thế	Số 90 - 122 Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
7. Số 14 Hoàng Văn Thụ	Số 14 Hoàng Văn Thụ, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
8. Nhà nghỉ Hòa Bình	Số 64 Trương Công Định, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Khu du lịch thác Prenn	Chân đèo Prenn QL20, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Số 151 Đường 3/2	Số 151 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
11. Nhà nghỉ Mimosa	Số 170 Phan Đình Tùng, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
12. Nhà nghỉ Lâm Sơn	Số 23 Hải Thượng, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
13. Khách sạn Cẩm Đô	Số 83 Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
14. Trung tâm lễ hành Đà Lạt TSC	Số 7 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh gas, xăng, dầu;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khác bằng taxi, xe buýt, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách theo tuyến cố định;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Điều hành tour du lịch;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Đại lý du lịch;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công trình điện hạ thế;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm cho khách du lịch;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Hoạt động vui chơi, giải trí.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng hóa. Mua bán thuốc lá nội, rượu các loại. Đại lý tiêu thụ xe gắn máy. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Kinh doanh massage, karaoke, đồ uống, rượu, bia. Thiết kế trang trí nội, ngoại thất. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Dịch vụ xuất khẩu lao động và du học tự túc. Dịch vụ bán vé máy bay. Dịch vụ chụp ảnh, phóng ảnh màu, mua bán thiết bị chụp ảnh, ngành ảnh. Chế biến nông sản, thực phẩm. Xây dựng kinh doanh lĩnh vực thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức nhật ký chung.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
Công ty Cổ phần Hải Vân Nam
Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Ông Nguyễn Thanh Tâm
Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông lớn
Cổ đông
Cổ đông đồng thời là Chủ tịch HĐQT
Thành viên chủ chốt

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất lâu dài, phần mềm quản lý khách sạn được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng và có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí thực tế phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Nguồn vốn

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30/9/2017, Công ty ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí kế toán của chi phí khấu hao tương ứng với giá trị hạng mục công trình giao nhà thầu thi công - Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh là 15.424.685.809 đồng (tương ứng với số tiền đã tạm ứng cho nhà thầu) nhưng chưa được nhà thầu quyết toán và xuất hóa đơn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	243.255.756	94.214.210
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.558.502.531	1.869.339.760
Cộng	1.801.758.287	1.963.553.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm				
Công ty Tài chính TNHH MTV NH Thịnh Vượng	5.578.000.000	5.578.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	7.700.000.000	7.700.000.000	10.600.000.000	10.600.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Lâm Đồng	9.700.000.000	9.700.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	7.600.000.000	7.600.000.000	11.800.000.000	11.800.000.000
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam CN Đà Lạt	3.733.300.812	3.733.300.812	2.056.622.222	2.056.622.222
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Lâm Đồng	1.300.000.000	1.300.000.000	6.300.000.000	6.300.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Đà Lạt	3.000.000.000	3.000.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp & PT Nông thôn - CN Lâm Đồng	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
Cộng	43.111.300.812	43.111.300.812	44.356.622.222	44.356.622.222

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Cao Hoàng Anh	319.602.262	422.079.958
Phan Thị Thanh Thủy	196.702.373	-
Lê Văn Báo	182.835.089	263.936.089
Khách hàng của TTLH Dalat TSC HCM	161.979.000	490.506.000
Lê Văn Thành	102.226.506	119.459.910
Nguyễn Văn Tiệu (Nhà nghỉ Lâm Sơn)	74.302.196	383.278.127
Đình Thị Mỹ Phượng	-	202.953.458
Đình Thị Thanh Hiền	-	70.693.000
Các đối tượng khác	1.349.832.782	763.613.886
Cộng	2.387.480.208	2.716.520.428

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Xây dựng Nghĩa Phước	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Happytex Việt Nam (i)	550.000.000	550.000.000
Cao Hoàng Anh	84.182.849	288.841.484
Các đối tượng khác	683.083.234	643.165.096
Cộng	3.317.266.083	1.482.006.580

- (i) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Happytex Việt Nam liên quan đến việc mua trang thiết bị nhấc nước phát sinh từ những năm trước. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên vẫn đang trong quá trình thương thảo. Trong trường hợp dừng lại có thể Công ty sẽ thu hồi lại tiền, hoặc một khoản chi phí dự phòng sẽ phát sinh nếu khó có khả năng thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Khoản phải thu từ dự án Bobla	1.652.732.504	-	2.140.198.949	-
Đình Thị Mỹ Phượng	-	-	506.071.875	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	94.465.104	-	114.285.923	-
Tạm ứng	722.332.860	-	769.479.434	-
Phải thu về BHXH	247.299.400	-	221.317.000	-
Ký cược, ký quỹ	4.872.136	-	6.687.861	-
Các khoản phải thu khác	500.000.000	-	-	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	83.763.004	-	522.356.856	-
Cộng	-	-	500.000.000	-
	1.652.732.504	-	2.640.198.949	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	374.846.039	-	344.775.426	-
Hàng hóa	242.991.006	-	240.953.238	-
Cộng	617.837.045	-	585.728.664	-

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế tài nguyên	1.031.040	-	-	1.031.040
Tiền thuê đất (*)	715.114.628	715.114.628	-	-
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	21.360.821	21.360.821	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.927.253	4.927.253
Cộng	737.506.489	736.475.449	4.927.253	5.958.293
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
b) Các khoản phải trả				
Tiền thuê đất (*)	-	7.290.215.289	13.267.185.199	5.976.969.910
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	3.883.993.159	4.047.541.638	163.548.479
Thuế thu nhập cá nhân	228.745.835	458.807.083	311.846.483	81.785.235
Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.562.937	92.496.503	94.353.147	12.419.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp	409.906.460	3.026.500.940	2.960.000.000	343.405.520
Các loại thuế khác	68.651.997	139.010.434	73.022.585	2.664.148
Cộng	717.867.229	14.891.023.408	20.753.949.052	6.580.792.873

Ghi chú: (*) Trong các năm 2013 và 2014, Công ty đã tính toán và hạch toán nghĩa vụ nộp tiền thuê đất trên cơ sở Công ty xác định được giảm 50%, số tiền miễn giảm là 5.083.917.011 VND. Tuy nhiên, theo Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt giảm 50% tiền thuê đất cho các năm 2013 và 2014 thì Công ty chỉ được giảm số tiền thuê đất tương ứng là 789.474.342 VND. Do đó, Công ty đã ghi nhận bổ sung chi phí tiền thuê đất phải nộp của năm 2013; 2014 với tổng giá trị là 4.294.442.669 VND trong báo cáo tài chính năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm, súc vật nuôi VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày đầu năm	79.467.510.450	6.908.126.911	1.331.368.636	503.009.039	1.115.352.340	166.900.000	89.492.267.376
- Mua trong năm	-	165.000.000	-	-	-	-	165.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	605.625.118	-	-	-	-	-	605.625.118
- Thanh lý, nhượng bán	-	(58.321.818)	-	-	-	-	(58.321.818)
- Giảm khác (i)	(1.485.999.741)	-	-	-	(122.287.340)	-	(1.608.287.081)
Tại ngày cuối năm	78.587.135.827	7.014.805.093	1.331.368.636	503.009.039	993.065.000	166.900.000	88.596.283.595
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày đầu năm	35.336.673.050	5.258.709.797	676.166.872	470.123.457	350.926.518	166.900.000	42.259.499.694
- Khấu hao trong năm	3.970.988.026	448.985.186	183.996.768	28.187.616	60.057.348	-	4.692.214.944
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.552.480)	-	-	-	-	(15.552.480)
- Giảm khác (i)	(577.318.521)	-	-	-	(37.555.035)	-	(614.873.556)
Tại ngày cuối năm	38.730.342.555	5.692.142.503	860.163.640	498.311.073	373.428.831	166.900.000	46.321.288.602
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	44.130.837.400	1.649.417.114	655.201.764	32.885.582	764.425.822	-	47.232.767.682
Tại ngày cuối năm	39.856.793.272	1.322.662.590	471.204.996	4.697.966	619.636.169	-	42.274.994.993

Tại ngày 30/9/2017, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 12.755.152.716 VND (tại ngày 01/10/2016 là 11.205.701.187 VND).

Tại ngày 30/9/2017, giá trị còn lại của tài sản cố định tạm ngừng khấu hao do bị thu hồi tại Khu du lịch thác Lilieng theo quyết định ngày 30/8/2012 của UBND tỉnh Lâm Đồng là 22.418.250 VND (Tại ngày 01/10/2016 là 1.015.831.775 VND).

- (i) Đây là khoản giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế cho các tài sản thuộc Khu du lịch thác Bobla Theo biên bản bàn giao cho UBND huyện Di Linh để thực hiện việc thu hồi dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	5.250.115.000	154.025.000	5.404.140.000
Tại ngày cuối năm	5.250.115.000	154.025.000	5.404.140.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY			
Tại ngày đầu năm	-	83.430.201	83.430.201
- Khấu hao trong năm	-	15.402.504	15.402.504
Tại ngày cuối năm	-	98.832.705	98.832.705
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	5.250.115.000	70.594.799	5.320.709.799
Tại ngày cuối năm	5.250.115.000	55.192.295	5.305.307.295

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công trình Khu du lịch thác Prenn (i)	23.249.723.922	23.379.059.282
Dự án KS Phú Hòa	8.955.642.063	316.276.786
Công trình Khu du lịch thác Cam Ly	1.091.155.968	1.091.155.968
Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Lilieng (ii)	200.273.273	200.273.273
Dự án Nhà 02 Trần Hưng Đạo	75.387.272	75.387.272
Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Bobla (iii)	-	2.231.382.609
Cộng	33.572.182.498	27.293.535.190

- (i) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị mở rộng (phiên họp thứ 3/2017) ngày 20/9/2017, vấn đề ngập lụt của Prenn hiện vẫn chưa có giải pháp khắc phục. Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng của tỉnh Lâm Đồng xin điều chỉnh qui hoạch của dự án để tiếp tục triển khai dự án trong thời gian tới.
- (ii) Đối với dự án tại Khu du lịch thác Lilieng, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có quyết định thu hồi dự án tại khu du lịch này vào năm 2012. Tại ngày 30/9/2017, giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án này là 222.691.523 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa bàn giao cho các cơ quan chức năng.
- (iii) Đối với dự án tại Khu du lịch thác Bobla, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có quyết định thu hồi dự án tại khu du lịch này và dự án công trình thủy điện Bobla vào năm 2012. Đến nay, Công ty đã bàn giao cho UBND huyện Di Linh và quyết toán giá trị được bồi hoàn tại khu du lịch thác Bobla.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (Tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản trong năm:

	<u>Năm nay</u>
	VND
Số đầu năm	27.293.535.190
Phát sinh tăng	9.364.191.213
Phát sinh giảm	(3.085.543.905)
- Thu hồi dự án Bobla	(2.231.382.609)
- Tăng giá trị tài sản cố định	(605.625.118)
- Tăng giá trị chi phí trả trước	(245.616.178)
- Tăng khác	(2.920.000)
Số cuối năm	<u>33.572.182.498</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<u>255.396.072</u>	<u>440.733.565</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	255.396.072	440.733.565
<i>b) Dài hạn</i>	<u>1.172.129.618</u>	<u>1.733.827.230</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	244.926.728	66.259.678
Chi phí sửa chữa	631.061.148	407.449.826
Chi phí trả trước dài hạn khác	296.141.742	1.260.117.726

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán là bên liên quan</i>	288.723.648	288.723.648	246.602.580	246.602.580
Chi nhánh Công ty CP Hải Vân Nam - Bên liên quan	288.723.648	288.723.648	246.602.580	246.602.580
<i>Các khoản phải trả người bán khác</i>	1.557.124.810	1.557.124.810	1.166.690.468	1.166.690.468
Công ty CP Xây dựng Nghĩa Phước	414.634.231	414.634.231	-	-
Nguyễn Minh Giáp	322.429.592	322.429.592	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghệ Thủy Lợi	103.647.400	103.647.400	103.647.400	103.647.400
Công ty TNHH Địa ốc Lộc An	49.948.050	49.948.050	49.948.050	49.948.050
Đình Thị Mỹ Phượng	-	-	77.513.855	77.513.855
Phải trả đối tượng khác	666.465.537	666.465.537	935.581.163	935.581.163
Cộng	<u>1.845.848.458</u>	<u>1.845.848.458</u>	<u>1.413.293.048</u>	<u>1.413.293.048</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.140.578.818	3.469.488.466
Kinh phí Công đoàn	59.553.792	58.588.508
Phải trả về cổ phần hóa	41.850.745	41.850.745
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	1.957.532.033	686.964.200
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.081.642.248	2.682.085.013
+ Sở Tài chính Lâm Đồng - Tiền thuê đất	769.312.125	-
+ Trung tâm Lữ Hành	200.000.000	669.817.563
+ Cửa hàng Xuân Thảo (i)	90.000.000	330.000.000
+ Các khoản khác	1.022.330.123	1.682.267.450
b) Dài hạn	3.524.250.000	4.655.660.592
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	3.524.250.000	4.655.660.592
Tổng cộng	<u>7.664.828.818</u>	<u>8.125.149.058</u>

- (i) Đây là khoản tiền cửa hàng Xuân Thảo chuyển trả tiền thuê cửa hàng tại thương xá Latulip, Công ty đã ghi nhận doanh thu từ tháng 04/2016 đến tháng 09/2017 trong báo cáo tài chính năm nay với tổng số tiền là 900 triệu VND. Số còn lại trên tài khoản phải trả khác là thuế GTGT đầu ra phải nộp. Việc ghi nhận doanh thu này, Công ty căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5373/CT-TTHT ngày 13/12/2017 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng.

Liên quan đến thương xá Latulip, hiện tại có phát sinh tranh chấp. Cho đến hiện nay, vụ việc này vẫn đang trong quá trình giải quyết của tòa án. Liên quan đến vụ việc nêu trên, Tòa án Nhân dân thành phố Đà Lạt đã tuyên tại bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 12/01/2017, theo đó Công ty phải bồi thường cho Công ty TNHH Du lịch Nguyễn Phát 37.685.000.000 VND. Sau đó, Công ty đã kháng cáo và theo bản án phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT ngày 16/8/2017 của Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định hủy bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án Nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết lại. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tòa án Nhân dân thành phố Đà Lạt vẫn chưa giải quyết lại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	59.132.500.000	4.785.000.000	30.150.102.048	5.585.376.558	99.652.978.606
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.139.013.227	14.139.013.227
Trích lập quỹ	-	-	1.413.901.323	(2.262.242.117)	(848.340.794)
Số dư đầu năm nay	59.132.500.000	4.785.000.000	31.564.003.371	17.462.147.668	112.943.651.039
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.119.776.435	11.119.776.435
Trích lập quỹ (i)	-	-	18.574.125.312	(19.241.311.898)	(667.186.586)
Số dư cuối năm nay	59.132.500.000	4.785.000.000	50.138.128.683	9.340.612.205	123.396.240.888

(i) Công ty trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16/3/2017 với tỷ lệ trích như sau:

- Toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối tới thời điểm 30/9/2016 được chuyển toàn bộ vào quỹ đầu tư phát triển.
- Trích quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền là 1.111.977.644 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6% lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền là 667.186.586 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 27/3/2017, vốn điều lệ của Công ty là 59.132.500.000 đồng. Tại ngày 30/9/2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Vốn góp đến 30/9/2017		Vốn góp đến 01/10/2016	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	16.666.000.000	28,18%	11.759.790.000	19,89%
Nguyễn Thanh Tâm	9.646.680.000	16,31%	9.646.680.000	16,31%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	9.303.870.000	15,73%	9.303.870.000	15,73%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (*)	6.086.850.000	10,29%	6.086.850.000	10,29%
Các cổ đông khác	17.429.100.000	29,47%	22.335.310.000	37,77%
Cộng	59.132.500.000	100%	59.132.500.000	100%

Ghi chú: (*) Trong tháng 9/2017, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã tiến hành thoái vốn tại Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên vẫn đang hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.267.413.343	1.267.413.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa		4.630.468.236	4.722.362.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ		61.361.417.402	61.399.859.951
Cộng		65.991.885.638	66.122.222.850
Các khoản giảm trừ doanh thu			
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>		-	(77.601.400)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.991.885.638	66.044.621.450

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Giá vốn hàng đã bán		3.191.216.768	3.609.477.754
Giá vốn cung cấp dịch vụ		45.547.360.354	40.827.927.777
Cộng		48.738.577.122	44.437.405.531

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		10.153.072.647	11.197.062.519
Chi phí nhân công		14.494.920.723	16.240.089.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định		4.707.617.448	4.816.884.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài		14.797.037.273	8.837.055.272
Chi phí khác		9.050.195.872	8.262.221.679
Cộng		53.202.843.963	49.353.313.026

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Lãi tiền gửi		2.919.942.250	1.941.458.598
Lãi thu do nộp chậm tiền thuê mặt bằng		102.605.204	188.335.183
Doanh thu tài chính khác		8.342	640
Cộng		3.022.555.796	2.129.794.421

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm			
Chi phí nhân viên		3.004.013.109	2.973.457.886
Chi phí đồ dùng văn phòng		55.440.905	51.642.885
Chi phí khấu hao TSCĐ		18.173.340	12.720.006
Thuế, phí và lệ phí		18.072.434	35.126.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài		283.678.069	180.719.660
Các khoản chi phí QLDN khác		1.446.454.849	2.071.853.810
Cộng		4.825.832.706	5.325.520.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định, CCDC	-	76.161.818
Thu khác	324.599.395	233.605.828
Thu nhập khác	324.599.395	309.767.646
Giá trị còn lại của tài sản cố định, CCDC đã thanh lý	358.117.424	327.917.698
Tiền thuê đất dự án Prenn mở rộng do chậm tiến độ	769.312.125	-
Chi khác	630.706.585	65.656.291
Chi phí khác	1.758.136.134	393.573.989
Lợi nhuận khác	(1.433.536.739)	(83.806.343)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.016.494.867	18.286.627.906
Cộng: Chi phí không được trừ	1.116.009.830	1.207.403.563
Thu nhập chịu thuế	15.132.504.697	19.494.031.469
<i>Thu nhập chịu thuế suất 22%</i>	-	7.190.405.319
<i>Thu nhập chịu thuế suất 20%</i>	15.132.504.697	12.194.266.848
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.026.500.940	4.020.742.540
Chi phí thuế TNDN hiện hành theo kiểm toán nhà nước cho khoản đầu tư vào Công ty CP Công nghệ Giải trí Tết	-	166.969.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.026.500.940	4.187.711.987

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.119.776.435	14.139.013.227
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(667.186.586)	(848.340.794)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.452.589.849	13.290.672.433
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.913.250	5.913.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.768	2.248
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16/3/2017 với tỷ lệ trích là 6% trên lợi nhuận sau thuế năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng, theo đó hàng năm Công ty sẽ phát sinh một khoản tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước. Số tiền thuê đất đã ghi nhận vào chi phí trong năm là 7.290.215.289 VND, trong đó chi phí thuê đất của năm 2017 là 2.995.772.620 VND, phần nộp bổ sung cho năm 2013 và 2014 là 4.294.442.669 VND.

29. THÔNG TIN KHÁC

Liên quan đến việc quyết toán công trình khách sạn Đà Lạt Plaza với Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh, ngày 5/11/2013, Công ty đã có công văn thông báo cho Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh về việc sẽ nộp đơn khởi kiện ra tòa án tỉnh Lâm Đồng nếu không nhận được hóa đơn giá trị gia tăng, bản quyết toán và hồ sơ hoàn công trước ngày 28/11/2013. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để khởi kiện Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

30. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
Công ty Cổ phần Hải Vân Nam
Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Ông Nguyễn Thanh Tâm

Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông lớn
Cổ đông
Cổ đông đồng thời là
Chủ tịch HĐQT
Thành viên chủ chốt

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 17, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền lương	1.131.430.579	841.666.023
Thù lao	333.593.293	424.170.397
Cộng	<u>1.465.023.872</u>	<u>1.265.836.420</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ


Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 414.634.231 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 722.332.860 VND, là số tiền chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.




Nguyễn Vinh Bảo
Quyền Giám Đốc
Đà Lạt, ngày 25 tháng 12 năm 2017


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Quyền Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thắm
Người lập